

## THE ORIGIN OF LYRICAL AND LOVE POEMS WRITTEN BY RABINDRANATH TAGORE

Pham Thi Van Huyen\*, Vu Thi Hanh

TNU - University of Science

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	02/8/2022	Rabindranath Tagore (1861 - 1941) is a pre-eminent phenomenon of Indian literature in the 20th century. The Nobel Prize in Literature for "Gitanjali" (in 1913) confirmed Tagore's talent as a great poet not only in India but also in the world. Lyrical and love poems are the most special part in Tagore's work, in which the Indian principle of love was connected and developed through the miraculous creative powers of this Bengali poet. Tagore's poetic career has been considered and evaluated by Indian researchers, scholars and poets around the world from many perspectives, in terms of the value of ideological content, religious inspiration, and prosody. Using interdisciplinary research method combined with statistical manipulation, analysis and proof, this writing shows out the Indian traditional factors as well as modern factors in Tagore's poems. From this, it helps the readers explore the Indian's love that Tagore always venerated as sacred humanity to encourage people's souls and to make people live more beautifully and meaningfully.
Revised:	22/8/2022	
Published:	22/8/2022	

### KEYWORDS

India  
Rabindranath Tagore  
Lyrical and love poems  
Love  
Religion

## NGỌN NGUỒN THƠ TRỮ TÌNH - TÌNH YÊU RABINDRANATH TAGORE

Phạm Thị Vân Huyền\*, Vũ Thị Hạnh

Trường Đại học Khoa học - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	02/8/2022	Rabindranath Tagore (1861 - 1941) là hiện tượng kiệt xuất của văn học Ấn Độ thế kỉ XX. Giải Nobel văn học dành cho "Thơ Dân" (năm 1913) đã khẳng định tài năng của Tagore với tư cách một nhà thơ lớn không chỉ của Ấn Độ mà của cả thế giới. Thơ trữ tình - tình yêu là phần tiêu biểu nhất trong sự nghiệp thơ ca của ông. Ở đó, nguyên lí tình yêu Ấn Độ đã được tiếp nối và phát triển qua năng lực sáng tạo kì diệu của nhà thơ xứ Bengal này. Sự nghiệp thơ ca của Tagore được các nhà Ấn Độ học, các học giả và các nhà thơ trên thế giới xem xét, đánh giá từ nhiều góc độ, về giá trị nội dung tư tưởng, cảm hứng tôn giáo và cả ở góc độ thi pháp. Sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành kết hợp với thao tác thống kê, phân tích, chứng minh, bài viết chỉ ra sự ảnh hưởng của những yếu tố truyền thống cũng như tác động của yếu tố hiện đại đến những vần thơ Tagore, qua đó giúp bạn đọc khám phá một tình yêu Ấn Độ mà Tagore luôn tôn sùng như một nhân tính thiêng liêng, như đôi cánh nâng đỡ tâm hồn con người, làm con người sống đẹp hơn, cao cả hơn, ý nghĩa hơn.
Ngày hoàn thiện:	22/8/2022	
Ngày đăng:	22/8/2022	

### TỪ KHÓA

Ấn Độ  
Rabindranath Tagore  
Thơ trữ tình – tình yêu  
Tình yêu  
Tôn giáo

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.6319>

\* Corresponding author. Email: [huyenptv@tnus.edu.vn](mailto:huyenptv@tnus.edu.vn)

## 1. Mở đầu

Tình yêu là đề tài muôn thuở của cuộc sống nói chung và của thơ ca nói riêng. Nhưng ở mỗi nền văn hoá, ở mỗi tâm hồn nhà thơ, tình yêu lại được cảm nhận theo những cách khác nhau. Ở Ấn Độ, tình yêu của con người đã được khẳng định qua hàng thiên niên kỉ. Từ những yếu tố duy vật thô sơ là Linga - Yoni đến hình tượng thần Tình yêu Kama quyền lực vô song, tình yêu được người Ấn Độ nâng lên thành nguyên lí: Tình yêu là linh hồn của cuộc sống, gắn kết con người và vạn vật.

Tuy nhiên, Ấn Độ là một quốc gia tôn giáo, ảnh hưởng của tôn giáo đến đời sống của người Ấn Độ là điều không thể phủ nhận. Vì vậy, các tác phẩm văn học Ấn Độ ra đời trước thế kỉ XX hầu như đều bị trói chặt trong những quy định nghiêm ngặt của Phật giáo, Hindu giáo, nhất là khi những tác phẩm đó đề cập đến đề tài tình yêu. Chỉ khi Tagore xuất hiện, tình yêu mới trở về đúng với bản chất ngàn đời của nó. Có thể nói, qua những vần thơ trữ tình - tình yêu, Tagore đã phân biệt một cách nghiêm túc với các tôn giáo Ấn Độ, bắc nhịp cầu nối giữa truyền thống và hiện đại, nối trái tim đến với triệu trái tim trong khát khao giao cảm mãnh liệt. Không còn tìm kiếm hạnh phúc ở chốn hư vô, người dân Ấn Độ nay được thức tỉnh để tìm thấy nguồn hạnh phúc lớn lao ngay trong chính cuộc đời trần thế.

Ở Ấn Độ, Tagore không chỉ là một nhà thơ, nhà văn nổi tiếng mà còn được tôn vinh là nhà nhân văn vĩ đại với cuộc đời sáng tạo bao trùm hai thế kỉ. Tác phẩm của Tagore được đón nhận nồng nhiệt bởi những đỉnh cao nghệ thuật khó ai có thể thách thức được. Nehru viết: “Thế giới tư tưởng của ông rất Ấn Độ, ông lại bao quát được tinh thần nhân loại nói chung. R.Tagore vừa rất dân tộc lại vừa là của chung toàn thế giới. Sau khi gặp ông hay đọc những gì ông viết, ta thấy mình như vừa đặt chân lên đỉnh cao của kinh nghiệm và tri thức nhân loại” [1, tr.251-252]. Như vậy, có thể thấy, với người Ấn Độ, Tagore còn hơn một hiện tượng thi ca, ông là hiện tượng của nền văn minh Ấn Độ.

Từ một người nổi tiếng tại Bengal, Tagore trở thành một gương mặt nổi bật cả bên ngoài Ấn Độ. Thơ Tagore được giới thiệu rộng rãi ở Anh, Pháp, Liên Xô..., đặc biệt kể từ sau khi nhà thơ vinh dự trở thành người châu Á đầu tiên đạt giải Nobel Văn học năm 1913 với tập “Thơ Dâng”. Bạn đọc và các nhà nghiên cứu đều cảm nhận được sức hấp dẫn mạnh mẽ của thơ Tagore chính là sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa cái thâm trầm, sâu sắc trong tư tưởng với sự giản dị, hồn nhiên trong lối thể hiện. Dường như thời gian càng trôi qua thì sự đánh giá của thế giới về Tagore càng trở nên sâu sắc và thấm thía. Những sáng tạo nghệ thuật bất hủ và lời tiên tri của Tagore về thế giới, tình yêu con người cháy bỏng của ông vẫn đang được cất lên ở khắp mọi nơi.

Ở Việt Nam, tên tuổi của R.Tagore sớm được biết đến từ những năm đầu thế kỉ XX qua một số bài báo ngắn. Nhưng việc nghiên cứu, giới thiệu Tagore ở Việt Nam giai đoạn này vẫn chưa có nhiều thành tựu đáng kể bởi các bài viết của các tác giả mới chỉ dừng lại ở những đánh giá mang tính khái quát, những giới thiệu tổng thể về sự nghiệp của Tagore. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, khi văn học phương Tây đang có ảnh hưởng lớn trên văn đàn dân tộc thì đây cũng là những thành tựu đáng ghi nhận.

Những năm 60 của thế kỉ XX, đặc biệt từ năm 1961 chính là điểm mốc quan trọng đánh dấu sự khởi đầu của quá trình nghiên cứu, giới thiệu về R.Tagore ở Việt Nam. Kỉ niệm 100 năm ngày sinh Tagore, ở miền Bắc, nhiều bài thơ, truyện ngắn của Tagore được giới thiệu qua bản dịch của các nhà nghiên cứu Ấn Độ như: Cao Huy Đình, Xuân Diệu, La Côn, Yên Lan, Đào Xuân Quý... Bên cạnh hình thức thơ - văn xuôi, các dịch giả còn sử dụng thể thơ tự do để dịch thơ Tagore và nhiều bài đã được đưa vào giảng dạy trong sách giáo khoa phổ thông, giáo trình đại học, tài liệu tham khảo...

Ngay trong lời mở đầu cuốn “R.Tagore” mang tựa đề “R.Tagore và thơ R.Tagore”, Xuân Diệu đã xác định vai trò, vị trí của R.Tagore trong nền văn học Ấn Độ: “R.Tagore cũng tiếp nhận tinh hoa của văn hoá cổ lâu đời của Ấn Độ, tổng hợp nó với thơ ca lãng mạn tiên bộ trong văn học Anh. R.Tagore là một người đổi mới trong văn học Ấn Độ, làm thơ theo nhịp điệu mới, thơ tự do cũng rất giỏi” [2, tr.8].

Trong cuốn “Tagore - Văn và người”, bên cạnh phần nêu sơ lược tiểu sử của Tagore, Đỗ Thu Hà còn nhận diện phong cách Tagore trên các thể loại: thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch; đồng thời khẳng định Tagore là nhà tư tưởng Ấn Độ có tầm ảnh hưởng trên toàn thế giới: “Ông là nhà văn Ấn

Độ được biết đến nhiều nhất. Chúng ta có thể coi Rabindranath Tagore là người phát ngôn của Ấn Độ, không chỉ về những ý tưởng về tôn giáo của ông trong quá khứ mà còn cả những sự quan tâm của ông trong hiện tại” [3, tr.449].

Ngoài ra, còn có rất nhiều bài viết về R.Tagore được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành, các báo, diễn đàn, hội thảo, kỉ yếu khoa học...Nhà nghiên cứu Cao Huy Đình kết luận: “Công lao vĩ đại của Ta-go-rơ là phát huy được truyền thống nhân đạo chủ nghĩa, truyền thống yêu nước và truyền thống thơ ca Ấn Độ. Ông đã phối hợp được truyền thống đó với những yếu tố mới của Tây phương, góp phần làm cho ngôn ngữ và văn học Băng-gan trở thành hiện đại và phong phú” [4, tr. 24]. Nguyễn Thị Bích Thúy khẳng định: “Rabindranath Tagore là một tổng hợp thiên tài kỳ diệu của văn học Ấn Độ. Các sáng tác văn học nghệ thuật của Tagore là sự hội nhập tư tưởng văn hóa truyền thống Ấn Độ với cá tính sáng tạo mãnh liệt của riêng ông. Tagore đã để lại cho văn hóa nhân loại một gia tài khổng lồ các tác phẩm văn học nghệ thuật phong phú, đa dạng và vô giá. Trong đó, thơ là thành tựu xuất sắc nhất trong sự nghiệp sáng tác của Tagore” [5, tr.59]. Nhà nghiên cứu Lê Từ Hiền cho rằng: “Bước vào thế giới thơ ông - một thế giới đẹp, bình dị mà cũng rất đỗi bí ẩn cao siêu - ta sẽ xiết bao kinh ngạc, như một du khách trong sương mù băng lảng dần khám phá ra bao bí ẩn có thực ở đời” [6, tr.74]. Tác giả Đỗ Thu Hà đã tiến hành khảo sát nhiều truyện ngắn, tiểu thuyết đặc sắc của Tagore, từ đó chỉ ra sự thống nhất trong tư tưởng đòi bình quyền cho phụ nữ của tác giả, đồng thời khẳng định: “Tagore đã hiến cho chúng ta một cách nhìn lạc quan tuyệt vời về sự biến đổi của xã hội qua sự phát triển của phụ nữ dựa trên thuyết tiến hóa” [7, tr.25]. Trong bài viết “Di sản tinh thần của R.Tagore” (phần 2), tác giả Nguyễn Thị Mai Liên khẳng định: “Tìm hiểu di sản tư tưởng tinh thần của R.Tagore giúp chúng ta hiểu hơn về Ấn Độ hiện đại và hơn thế, một Ấn Độ truyền thống. Những giá trị văn hóa tinh thần suốt chiều dài lịch sử Ấn Độ kết tinh trong R.Tagore và phát huy sức mạnh của nó trong cuộc đấu tranh vì hạnh phúc, tiến bộ của nhân loại” [8, tr.22]. Nhật Chiêu cho rằng: “Tagore là người ca hát của tình yêu, là một trong những người chủ hôn cho chén rượu giao bôi giữa hai nền văn hóa Đông - Tây” [9].

Tác giả Huỳnh Văn Hoa đã tổng kết lại những đóng góp của Tagore đối với văn hóa Ấn Độ và nhân loại (trong đó có cả văn học Việt Nam): “Bằng chính cuộc đời và sáng tác của mình, R.Tagore đã hướng con người tới triết lý hành động, góp phần thức tỉnh trong nhân dân Ấn Độ về ý thức tự do dân chủ khi màn sương khói thần bí tôn giáo bao phủ đất nước này trong suốt mấy nghìn năm dằn tan, nhường chỗ cho con người” [10]. Ví Tagore như là gạch nối giữa văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây, tác giả Vũ Đoàn khẳng định: “Ồ Tagore, không gì có thể làm con người khuất phục. Trong thơ, vừa mơ ảo, vừa hiện thực, Tagore đã đưa tâm hồn con người đi từ cách nhìn đời vào cách nhìn linh thiêng, để từ đó, biết yêu thương con người, biết bảo vệ cái đẹp, cái thiện lương. Ông không phải là người nói lại những giáo huấn cũ bằng ngôn ngữ mới, mà là đưa ra những lời khuyên chân thành bằng lối thơ mới, về đẹp mới” [11]. “Coi trọng văn hóa dân tộc, Tagore ý thức sâu sắc vai trò của những biểu tượng nghệ thuật. Sử dụng biểu tượng, Tagore không chỉ phản ánh ý thức thẩm mĩ truyền thống của người Ấn Độ mà còn đề tri giác thế giới tâm linh của mỗi cá nhân với mong muốn tìm hiểu, chiêm nghiệm về cuộc sống con người” [12, tr.20].

Có thể nói, những quan niệm của Tagore về cuộc sống, con người và các vấn đề nhân sinh đã được nảy nở một cách tự nhiên qua dòng cảm xúc, suy tưởng miên man, bất tận của nhà thơ với mong muốn nuôi dưỡng lòng tin sâu sắc của con người vào sự hòa hợp giữa bản thể của mình với tất cả những gì tồn tại [13, tr.174]. Chính vì vậy, những vần thơ của Tagore, nhất là thơ trữ tình - tình yêu, dù viết về hạnh phúc hay khổ đau đều không hề có giọng điệu than thở, tuyệt vọng mà trái lại luôn tràn đầy niềm lạc quan, hi vọng và tin tưởng.

Như vậy, điếm qua các công trình nghiên cứu về Tagore, chúng tôi nhận thấy: sự nghiệp thơ ca của Tagore, đặt trong tổng thể sự nghiệp văn học nói chung đã được các nhà Ấn Độ học, các học giả và các nhà thơ trên thế giới xem xét, đánh giá từ nhiều góc độ, từ nội dung tư tưởng, cảm hứng tôn giáo đến thi pháp nghệ thuật. Tuy nhiên, bởi Tagore là đỉnh cao của nghệ thuật cho nên bao nhiêu công trình nghiên cứu về ông vẫn là không đủ và thơ Tagore vẫn mãi là một niềm hấp dẫn đối với giới nghiên cứu và đông đảo bạn đọc khắp nơi trên thế giới. Truy tìm ngọn nguồn thơ trữ

tình - tình yêu Tagore là một việc làm có ý nghĩa khoa học và thực tiễn giúp người đọc không chỉ hiểu hơn về phong cách nghệ thuật, quan niệm sáng tác của Tagore mà còn nhận thức sâu sắc hơn về một tình yêu Ấn Độ mang đậm màu tôn giáo nhưng cũng rất hiện thực mà Tagore luôn tôn sùng.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành, kết hợp với các thao tác thống kê, phân tích, chứng minh để làm rõ những ảnh hưởng của các yếu tố truyền thống và hiện đại đến thơ trữ tình - tình yêu Tagore.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Âm hưởng truyền thống trong thơ trữ tình - tình yêu Rabindranath Tagore

Thơ Tagore thoát thai từ văn hoá dân gian Ấn Độ, tiếp thu và chịu ảnh hưởng không nhỏ của nền văn hoá ấy mà trước hết là thần thoại về thần Tình yêu Kama. Những câu chuyện về thần Tình yêu Kama phản ánh cuộc đấu tranh giữa Tình yêu và Khổ hạnh, giữa phần Nhập thế và phần Siêu thoát trong mỗi tâm hồn Ấn Độ. Nhưng chủ nghĩa Khổ hạnh dù có sức mạnh và uy linh đến mức nào đi nữa cũng không thể thắng được ước mơ tự nhiên của con người. Truyền thống đó được phát triển sâu rộng trong nền văn hoá Ấn Độ và thơ Tagore cũng được khơi nguồn cảm hứng từ chính nguyên lí tình yêu ấy. Các hình tượng thơ, lối triết giải tinh tế, thâm trầm, sự kế thừa những yếu tố truyền thống đã khắc hoạ phong cách thơ Tagore trong các tác phẩm trữ tình của ông.

Viết tập thơ đầu tay “Bông hoa rừng” khi mới mười 13 tuổi, Tagore đã sớm khẳng định được tài năng của mình. Năm 17 tuổi, Tagore giới thiệu công chúng yêu thơ hai tập thơ tình xuất sắc. Để rồi, khi đạt đến độ chín của tư tưởng và nghệ thuật, Tagore tiếp tục khiến người đọc không khỏi bất ngờ bởi sự ra đời của “Tâm tình hiến dâng” và “Tặng vật”. Ngoài 60 tuổi, Tagore vẫn viết tập thơ “Puravi” tặng nữ văn sĩ người Achentina, Victoria Ocampo. Trái tim yêu đương của Tagore dường như chưa bao giờ ngơi nghỉ. Những vần thơ của ông lúc nào cũng cháy bỏng khát khao và triết lý tình yêu qua năm tháng càng thêm phần thấm thía.

Theo Tagore, nhu cầu yêu và được yêu vốn là nhu cầu chính đáng của mỗi người khi đến với thế giới này. Nó không chỉ cần thiết như nước để uống, như không khí để thở, nó còn có phép màu kì diệu khi kéo được con người hư vô trở về với cuộc sống thực tại.

Trong tập thơ “Người thoáng hiện”, Tagore kể cho ta nghe câu chuyện một tu sĩ khổ hạnh cố hành xác mình để sớm được lên Thiên đường. Sự hành xác ấy khiến các thánh thần đều hết sức kinh ngạc và tự hỏi tại sao ở cõi trần lại có người thích lên Thiên đàng đến vậy. Nhưng điều bất ngờ đã xảy ra. Vào đúng ngày được nhận phần thưởng cao quý của Chúa sau một thời gian dài hành xác, anh ta quyết định từ chối tất cả:

“Đã lâu, tôi không cần nó nữa”

Vị Chúa kia liền hỏi

Thầy muốn được phần thưởng nào cao quý hơn?

“Tôi muốn được cô gái hái củi.” (Bài số 23 - “Người thoáng hiện”) [14, tr.165].

Sự xuất hiện của một cô gái hái củi nhỏ bé, bình thường nhưng lại có thể làm lung lạc trái tim người tu sĩ từng thề thốt không bao giờ yêu. Thế mới thấy, tình yêu có sức mạnh cảm hóa lớn lao như thế nào.

Qua những vần thơ Tagore, người đọc còn nhận thấy: Tagore viết thơ về tình yêu nhưng không đơn thuần chỉ diễn tả những cung bậc cảm xúc của những trái tim yêu, mà còn thể hiện mong muốn được giải bày, chia sẻ với bạn đọc những nỗi niềm thầm kín của chính lòng mình. Mỗi bài thơ do đó dường như đều mang trong nó bóng dáng người tình lớn Tagore ở mọi khoảnh khắc giấu ẩn ảnh của cuộc đời ông.

Tagore say mê tình yêu nhưng cũng đã gặp sự cản trở không nhỏ của xã hội. Con người mạnh mẽ ấy nhất quyết không để xã hội tước mất quyền tự do yêu đương của mình. Ông vùng vẫy thoát khỏi trường dòng ba lần để đi tìm tình yêu chân chính. Và chính qua thơ mình, Tagore cho thấy giá trị to lớn của thơ ca trong cuộc đấu tranh chống lại lễ giáo phong kiến của xã hội lúc bấy giờ, một

xã hội đầy phi lí, bất công khi không chấp nhận tình yêu tự do của con người, luôn kìm hãm con người trước những ham muốn nhục tình.

Vậy nên, xuất hiện trong thơ Tagore đôi khi là hình ảnh của Chúa, Thượng Đế hay hình ảnh người ẩn sĩ, nhà tu hành... nhưng người đọc đều có thể nhận thấy, những vần thơ của Tagore vẫn luôn bám rễ sâu vào cuộc đời trần thế chứ không hề thoát ly thực tại. Cũng chính qua những hình ảnh mang màu sắc tôn giáo ấy, nhà thơ mù xứ Bengal đã không chỉ phản ánh được ý thức thẩm mỹ truyền thống của người Ấn Độ mà còn tri giác được thế giới tâm linh xưa nay vốn được xem là “bất khả tri” để mang đến cho hậu thế những khám phá mới mẻ, những triết lý nhân sinh sâu sắc về cuộc sống, con người và tình yêu.

Trong bài thơ số 75 của tập thơ “Tâm tình hiến dâng”, Tagore kể lại cuộc đối thoại giữa người ẩn sĩ và Thượng đế:

“Nửa đêm, một người rập tâm làm ẩn sĩ nói lớn: Bây giờ là lúc phải từ giã gia đình đi tìm Thượng Đế. Ừ nhỉ, ai đã giam ta trong ảo tưởng trần gian dài lâu đến thế?”

Thượng Đế phán: “Này, tên khùng dại, đừng bỏ gia đình”, nhưng ẩn sĩ không nghe thấy.

Thượng Đế thở dài, than vãn: “Tại sao tôi bực của ta lại phải lang thang tìm kiếm chính ta; tôi bực, người chối bỏ ta chẳng?” (Bài số 75 - “Tâm tình hiến dâng”) [15, tr.33].

Thì ra Thượng Đế trong thơ Tagore chẳng hề liên quan đến những Đấng Tối Cao của tôn giáo Ấn Độ. Người không ngự trong những đền đài, thánh điện. “Người đặt chân nơi sâu thẳm tình yêu và gắn bó với những người nghèo khổ nhất, thấp hèn nhất và bị hắt hủi nhất”. Tuy nhiên, người ta thường lầm lạc, cứ mãi theo đuổi và thờ phụng các tôn giáo, viễn du qua muôn ngàn thế giới, “gõ cửa biết bao căn nhà xa lạ”, để cuối cùng mới vỡ lẽ ra Chúa ở trong “miếu thất sâu thẳm bên trong”, “Chúa ở trong anh, Chúa chính là anh” và cũng là cuộc sống bình dị xung quanh với những buồn vui thường nhật, với gia đình ấm êm, với bàn tay chăm sóc của người vợ đảm đang và sự hồn nhiên, ngây thơ của con trẻ...

Lựa chọn các biểu tượng tôn giáo trong các bài thơ trữ tình - tình yêu, Tagore không ngần ngại tuyên chiến với chủ nghĩa khổ hạnh. Ông viết: “Không đâu các bạn ơi, tôi sẽ chẳng bao giờ là người ẩn sĩ dù cho các bạn có nói gì đi nữa. Tôi sẽ chẳng bao giờ là người ẩn sĩ nếu nàng không ước thề cùng tôi” (Bài số 43 - “Tâm tình hiến dâng”) [15, tr.19]. Thơ Tagore do đó vừa hiện thực, vừa huyền bí lại mang tính khái quát cao. Thì ra, đằng sau những biểu tượng trang nghiêm ấy là những tia sáng huyền diệu của tình yêu thương bất tử, của niềm vui vô lượng tràn trề, của sông chết đời người...

Như vậy, có thể thấy: Tagore đã không hề phủ quyết các khái niệm, các phạm trù tôn giáo nhưng qua biểu tượng, ông đem đến lối cảm thụ tôn giáo ở những tầng nghĩa mới mẻ, mang tính chất khám phá đầy thú vị. Thơ Tagore thực sự thể hiện được sự hòa hợp giữa Tiểu ngã và Đại ngã, giữa cá nhân và vũ trụ trong khát khao được giao cảm mãnh liệt. Nhà thơ có thể ngồi hàng giờ để cảm nhận nhịp đập của vạn vật xung quanh, để suy ngẫm về một lẽ sống cao cả: “Chúng ta sống vì chúng ta yêu thương”. Những vần thơ tình của ông đã không chỉ tìm được sự đồng cảm chân thành từ những trái tim Ấn Độ mà còn đánh thức trong lòng họ mong muốn được hòa hợp, tin yêu, đưa họ trở về với hiện thực cuộc sống tràn đầy hương sắc trên chính mặt đất này:

“Hãy để người chết đi tìm sự bất tử của đục vọng

những người sống thì tìm sự bất tử của tình yêu”. (Bài số 279 - “Bầy chim lạc”) [16, tr.95].

### 3.2. Màu sắc hiện đại trong thơ trữ tình - tình yêu Rabindranath Tagore

Tagore không chỉ tiếp thu tinh hoa từ vốn văn hoá dân tộc, Tagore còn là học trò xuất sắc của Byron, Huygo, Puskin... Ông dịch thơ của họ từ nhỏ và do đó, thơ tình yêu Tagore ngay từ đầu đã chịu ảnh hưởng sâu sắc về tư tưởng lãng mạn của những nhà thơ này. Tagore thừa nhận mức độ ảnh hưởng đó, đồng thời ông khẳng định sự ảnh hưởng ấy không làm nhà thơ đánh mất mình mà giúp ông phổ biến cá tính sáng tạo trong quá trình thể hiện bản sắc văn hoá dân tộc. Thơ Tagore chính là sự kết hợp tuyệt đẹp giữa truyền thống dân tộc và tinh thần thời đại. Chính điều đó đã tạo nên tầm vóc của Tagore, vị thế của Tagore trên văn đàn Ấn Độ và thế giới.

Có thể nói, kể từ khi những người Đồ Đào Nha đầu tiên đặt chân đến Ấn Độ cho đến khi Tagore xuất hiện, cuộc tiếp xúc văn hóa Đông - Tây đã diễn ra hơn ba thế kỉ. Trong khoảng thời gian đó, vượt lên bao thăng trầm, văn hóa, văn học Ấn Độ vẫn tồn tại, phát triển, bảo lưu được những giá trị truyền thống và ngày càng trở nên phong phú, sâu sắc hơn. Các nhà Ấn Độ học hiện đại, trong đó có Tagore được nuôi dưỡng trong không khí của thời đại và bầu sữa ngọt ngào của văn hóa truyền thống, đến lượt mình, họ đã góp phần cho quá trình hội nhập, làm sâu sắc thêm bản sắc văn hóa dân tộc, đưa Ấn Độ bước vào thời đại “Phục hưng” sôi nổi.

Trong những năm cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, Ấn Độ cũng như nhiều quốc gia khác ở châu Á chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ của các nước phương Tây, đặc biệt là Anh. Sự ảnh hưởng này diễn ra trên nhiều lĩnh vực trong đó ảnh hưởng được xem là có ý nghĩa quan trọng nhất đối với Ấn Độ chính là sự thức tỉnh mạnh mẽ của ý thức dân tộc, ý thức về con người cá nhân. Cũng chính nhờ ảnh hưởng tích cực này mà những nhà nhân văn chủ nghĩa như Tagore đã dũng cảm cất tiếng nói đòi quyền sống, quyền tự do yêu đương và tự do kết hôn cho con người. Trong thơ trữ tình - tình yêu, Tagore tập trung thể hiện những nội dung mang tính thời đại với cảm hứng và cách thể hiện truyền thống, do đó đã đem đến cho thơ ca Ấn Độ và thế giới những vần thơ độc đáo, có một không hai. Chính trong thơ mình, Tagore thẳng thắn phát biểu:

“Rằng tôi tin ở tình yêu của Con Người.

Đó là lời nói cuối cùng của tôi.” (Bài số 326 - “Bầy chim lạc”) [16, tr.100].

Nhà thơ khẳng định: tình yêu có thể đem lại niềm hạnh phúc, có thể mang đến nỗi khổ đau nhưng dù hạnh phúc hay khổ đau thì từ bao đời nay, loài người vẫn yêu, đã yêu và mãi mãi còn yêu. Tình yêu không đơn giản, không thuần túy là niềm vui hay nỗi buồn mà tình yêu là sự tổng hoà của những đối cực. Vì thế, Tagore kêu gọi mọi người:

“Hãy đặt lòng tin vào tình yêu dấu tình yêu mang lại khổ đau. Chẳng nên khép lòng mình như thế.

Nguồn vui mong manh như giọt sương mai vừa mới nở cười đã vội chết yểu. Nhưng u buồn thường dai dẳng khó tan. Hãy để tình yêu khổ đau trong mắt em bừng tỉnh” (Bài số 27 - “Tâm tình hiến dâng”) [15, tr.13].

Tagore không đưa tay vào cõi hư vô để tìm kiếm những vật không mong gì tìm thấy. Cái mà nhà thơ đi tìm chẳng ở đâu xa, mà nó chính là sự hoà hợp giữa hai tâm hồn, hai trái tim yêu cùng chung nhịp đập. Do vậy, nhà thơ không đòi hỏi vẻ đẹp hình thức, sự phô trương, cầu kì. Nhà thơ trân trọng những gì bình dị, chân thành mà cao đẹp. Bởi với Tagore, tình yêu “đơn sơ như một bài ca”.

“Cứ thế mà đi, đừng dềnh dàng chải chuốt. Nếu vòng tóc vẫn còn lỏng, đường ngôi rẽ chưa xuôi, dải lụa thắt lưng không chặt, cũng đừng bận tâm, em ạ. Cứ thế mà đi, đừng dềnh dàng chải chuốt. Nào, hãy bước lên cỏ xanh mịn. Nếu đất đỏ vì sương mai văng lên gót, vòng nhạc nơi chân còn lỏng lẻo, ngọc báu rơi khỏi chuỗi đeo tay cũng đừng bận lòng, em ạ...”

Cứ thế mà đi, đừng dềnh dàng chải chuốt. Nếu vòng hoa em kết chưa xong, nào ai để ý, nếu lắc tay em gài chưa chặt, chẳng nên cầu kì.

Bầu trời hôm nay vẫn vũ - muện rồi đây em ơi! Cứ thế mà đi, đừng dềnh dàng chải chuốt”. (Bài số 11 - “Tâm tình hiến dâng”) [15, tr.7].

Điệp khúc “cứ thế mà đi” được lặp lại như một sự giục giã tha thiết vô cùng. Hàng loạt những câu điều kiện được đưa ra với những giả thiết khác nhau: “Nếu vòng tóc vẫn còn lỏng...”, “Nếu đất đỏ vì sương mai văng lên gót...”, “Nếu vòng hoa em kết chưa xong...”. Ngôn ngữ không một chút giả công, cầu kì. Tất cả góp phần diễn tả tâm trạng của nhân vật trữ tình đang rất bồi hồi, sốt sắng, cầu mong người yêu hãy đến với mình bằng tất cả tình yêu chân thành, giản dị và say đắm, bằng ánh mắt, niềm tin chứ không phải bằng sự phô trương bề ngoài. Những vật trang điểm quý giá và đẹp đẽ sẽ trở nên vô nghĩa, sẽ che khuất con người thực của em, là vật chướng ngại trên hành trình tìm kiếm sự hoà hợp. Đừng để thời gian trôi qua vô ích vì những điều phù phiếm bởi cuộc đời thật ngắn ngủi, mỗi người không thể tránh khỏi giới hạn của thời gian: “Bầu trời hôm nay vẫn vũ - muện rồi đây em ơi! Cứ thế mà đi, đừng dềnh dàng chải chuốt”. Hãy đến với người tình tối thượng của em khi thời gian còn đó, đừng để thời gian đã hết khi em chưa trao được mình vào trong tình yêu, khi em chưa kịp hiến dâng và chưa kịp thấy được ý nghĩa của mình trong sự hoà hợp trọn vẹn.

Vậy nên yêu và được yêu là niềm hạnh phúc rất đáng tự hào. Nó làm cho cuộc đời mỗi người trở nên ý nghĩa hơn:

“Cõi đời ơi khi tôi đã chết  
Thì trong cõi vắng lặng của người  
Chỉ một lời này còn lại

Tôi đã từng yêu”. (Bài số 277 - “Bầy chim lạc”) [16, tr.95].

Theo Tagore, tình yêu xuất phát từ tâm hồn, do đó, không thể dùng sức mạnh vật chất tầm thường hay thứ tình cảm vị kỉ mà chiếm lĩnh được:

“Nhưng mà tất cả đâu rồi nhỉ? Màu xanh ai có thể gạt lọc khỏi bầu trời?  
Tôi cố nắm chặt trong tay vẻ đẹp; vẻ đẹp thoát tuốt chỉ để lại thân xác không hồn.  
Rã rời, lúnh quýnh, tôi hồi tỉnh.

Làm sao thân xác sờ nắm được đoá hoa chỉ riêng tinh thần tiếp xúc nổi?” (Bài số 49 - “Tâm tình hiển dăng”) [15, tr.21].

Trong bài thơ, ta bắt gặp hàng loạt những hình ảnh thể hiện khao khát nhục dục mãnh liệt: “cầm tay ghi chặt vào lồng ngực”, “đoạt cướp bằng môi nụ cười tươi tắn”, “uống cạn bằng mắt mình ánh mắt u huyền”... nhưng tất cả đều bị phủ định hoàn toàn để làm toát lên ý thức đề cao vẻ đẹp tâm hồn. Đây là điểm mà Tagore khác so với một số nhà thơ phương Tây đương thời. Tagore đề cao vẻ đẹp tâm hồn của con người, đồng nghĩa với việc đề cao tự do tinh thần trong tình yêu:

“Tại sao đèn phụt tắt?  
Tôi lấy áo choàng ngăn gió cho đèn, đấy là lí do khiến đèn phụt tắt.  
Tại sao hoa úa tàn?  
Tôi ghi chặt hoa vào lồng, với tình yêu ưu tư, đấy là lí do khiến hoa úa tàn.

Tại sao suối cạn nguồn?  
Tôi đắp đập qua suối để lấy nước mình dùng, đấy là lí do khiến suối cạn nguồn.

Tại sao dây đàn phụt đứt?  
Tôi cố ép một dây cung điệu ngoài sức dây tơ, đấy là lí do khiến dây đàn phụt đứt” (Bài số 52 - “Tâm tình hiển dăng”) [15, tr.22].

Nhân vật trữ tình muốn dùng sức mạnh để giữ tình yêu: “Lấy áo choàng ngăn gió cho đèn”, “ghi chặt hoa vào lồng”, “đắp đập qua suối để lấy nước mình dùng”, “cố ép một dây cung điệu ngoài sức dây tơ”, nhưng tất cả nhưng cố gắng của anh ta đều mang lại tác dụng trái ngược với ước muốn: “đèn phụt tắt”, “hoa úa tàn”, “suối cạn nguồn”, “dây đàn phụt đứt”... Anh ta đã không hiểu được rằng: muốn giữ tình yêu lâu bền thì chỉ có cách duy nhất là chấp thêm cho nó đôi cánh của tự do.

Bài số 48, tập “Tâm tình hiển dăng”, nhà thơ thể hiện rõ hơn về điều này:

“Em yêu! Hãy giải thoát anh khỏi dây ràng buộc âu yếm của tình yêu.  
Thôi đủ rồi, xin đừng thêm nữa men rượu nồng của những nụ hôn triu mến.

Màn hương thơm này ngào ngạt làm ngợp tim anh.  
Xin mở toang hết cửa, dành không gian cho ánh sáng ban mai.

Anh lạc lối trong em, đắm chìm vào vòng tay ve vuốt.  
Xin cho anh thoát khỏi ngái tình quyến rũ, và trả lại nguồn sống thanh xuân để rồi trao lại em trái tim vừa thoát ách ngục tù” [15, tr.21].

Tagore miêu tả mặt trái của tình yêu, chỉ ra nguyên nhân tình yêu tan vỡ. Ông gọi đó là sự vị kỉ. Bởi tình yêu đòi hỏi sự tự do về tinh thần, càng ngăn cản, càng ép chặt tình yêu vào khuôn khổ bao nhiêu thì tâm hồn ấy, tinh thần ấy càng muốn vượt thoát bấy nhiêu. Giọng thơ tha thiết, khẩn cầu, hướng tới một tình yêu bao dung, rộng mở, không bị trói buộc, cũng chính là mong ước của biết bao trái tim yêu đương say đắm.

Như vậy, qua những vần thơ trữ tình - tình yêu của Tagore, người đọc có thể tìm thấy những quan niệm đầy tính nhân văn của nhà thơ về tình yêu. Người con xứ Bengal ấy nhất định không chấp nhận sự dung tục, tầm thường của tình yêu nhục dục. Ông đề cao, khẳng định vẻ đẹp của tình yêu trong sự hoà hợp tâm hồn; đồng thời nhắc nhở mọi người hãy sống vị tha, cao thượng và

hãy tin tưởng vào tình yêu. Vậy nên, bước vào khu vườn mà Tagore nguyện làm “người làm vườn tình ái”, chúng ta như được sống trong một thế giới vừa thiêng liêng vừa giản dị, lại rất đỗi chân thành. Viết về tình yêu, Tagore luôn thể hiện thái độ trân trọng, ngợi ca bởi tình yêu là “nhân tính thiêng liêng” luôn dành cho tất cả mọi người, không phân biệt địa vị, tuổi tác, tôn giáo, màu da. Nó có khả năng san bằng mọi bất bình đẳng và hiện hữu trong mọi không gian, thời gian. Tình yêu muôn đời mãi là một khoảng không gian huyền bí mà ở đó, mỗi người phải tự khám phá, tìm hiểu tâm hồn của nhau để nâng lên sự tin yêu, hòa hợp. Tình yêu có thể khiến con người ngập tràn trong niềm hạnh phúc ngọt ngào nhất nhưng cũng có thể đem đến cho con người nỗi khổ đau man dại nhất. Nhưng dù hạnh phúc hay khổ đau, tình yêu vẫn luôn là bản chất của sự sống, là tiếng nói đầu tiên và cuối cùng của con người. Có thể nói, những phát biểu của Tagore về tình yêu không chỉ bất rã sâu trong truyền thống văn hóa Ấn Độ mà còn thể hiện những nhìn nhận mới mẻ, hiện đại của nhà thơ trong xu hướng hội nhập quốc tế. Tất cả được nâng lên thành triết lý, thành tiếng lòng của muôn triệu trái tim trên khắp hành tinh này.

#### 4. Kết luận

Kế tục truyền thống văn hóa Ấn Độ, thơ tình Tagore có sự cân bằng giữa Moksha và Kama. Nhà thơ giải mã tình yêu Ấn Độ vừa thiêng liêng vừa trần tục bằng lối triết giải vô cùng độc đáo. Tìm về ngọn nguồn thơ trữ tình - tình yêu Tagore chính là làm rõ sự kết hợp giữa yếu tố truyền thống và hiện đại trong những vần thơ thấm đẫm yêu thương ấy. Theo Tagore, ai trên đời này cũng nên yêu và cần được yêu, bởi tình yêu là nhu cầu của sự sống. Tình yêu không ở đâu xa. Tình yêu nằm trong trái tim mỗi người, ở ngay trên mặt đất này. Tình yêu khiến cuộc đời mỗi chúng ta trở nên tốt đẹp hơn. Người Ấn Độ nói riêng và cả nhân loại nói chung tự hào về Tagore - nhà thơ lớn của thế kỉ XX, người đã góp phần rút ngắn khoảng cách giữa hai nền thơ ca phương Đông và phương Tây, gắn kết con người bằng tiếng nói của lòng nhân ái.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Many authors, *Ten great poets of the century*, Writers Association Publishing, Hanoi, 1982.
- [2] X. Dieu and Y. Lan, *R.Tagore and R.Tagore's poetry*. Literature Publishing House, Hanoi, 1961.
- [3] T. H. Do, *Tagore - Literature and People*. Cultural and Information Publishing House, Hanoi, 2005.
- [4] H. D. Cao, “The humanitarian spirit of Tagore’s poetry,” *Literary Studies*, vol. 284, no. 8, pp. 16-24, 1995.
- [5] B. T. Nguyen, “Intellectuality – the aesthetical clear point in Rabindranath Tagore poetry,” *Literary Studies*, vol. 314, no. 4, pp. 59-63, 1998.
- [6] T. H. Le, “Rabindranath Tagore - the painter who drew dust and sunlight,” *Literary Studies*, vol. 352, no. 6, pp. 67-74, 2001.
- [7] T. H. Do, “From the traditional woman to the modern woman in Tagore’s prose,” *5<sup>th</sup> Woman’s Scientific Conference*, Hanoi, 2000, pp. 20-25.
- [8] M. L. Nguyen, “Tagore’s spiritual legacy,” *VietNam Journal for Indian and Asian studies*, no. 6, pp. 18-23, 2019.
- [9] N. Chieu, “Tagore’s creative paths,” 2020. [Online]. Available: <https://www.sachhay.org/cao-thom/ChiTiet/30/nhung-nga-duong-sang-tao-cua-tagore>. [Accessed July 21<sup>st</sup>, 2022].
- [10] V. H. Huynh, “Tagore’s life and poetic creation,” 2020. [Online]. Available: <https://vansudia.net/cuoc-doi-va-sang-tao-tho-ca-r-tagore-tien-si-huynh-van-hoa/>. [Accessed July 21<sup>st</sup>, 2022].
- [11] D. Vu, “The great poet Tagore - Asia’s first poet to win the Nobel Prize for Literature,” 2021. [Online]. Available: <https://baophapluat.vn/dai-thi-hao-tagore-nha-tho-dau-tien-cua-chau-a-dat-giai-nobel-van-hoc-post394164.html/>. [Accessed July 21<sup>st</sup>, 2022].
- [12] T. V. H. Pham, “The way in love poems by R.Tagore and Xuan Dieu in comparion,” *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 87, no. 11, pp. 19-24, 2011.
- [13] T. V. H. Pham, “The art conception about people of Rabindranath Tagore in his lyrical love poems,” *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 96, no. 11, pp. 169-174, 2012.
- [14] Tagore, *The Fugitive*. Danang General Publishing House, Danang, 2015.
- [15] Tagore, *The Gardener*. Danang Publishing House, Danang, 2001.
- [16] Tagore, *Stray birds*. Danang Publishing House, Danang, 2012.